TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2021/HS-ST
Ngày 05-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Đào Bá Sơn**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chí Cường**
Ông **Nguyễn Ngọc Luân**
- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Đ Lợi** – Thư ký toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông **Nguyễn Sinh Sáng** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 322/2019/HSST ngày 05 tháng 09 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Thế H, sinh năm 1961; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên giám đốc VPĐKQSDĐ, Phó phòng TN&MT thị xã Sơn Tây. Hiện là cán bộ phòng tài nguyên và môi trường thị xã Sơn Tây; Tham gia Đảng, đoàn thể: Là đảng viên, sinh hoạt tại chi bộ phòng TN&MT thị xã Sơn Tây – Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 75-QĐ/UBKTThU ngày 08/10/2019 của Uỷ ban kiểm tra thị uỷ Sơn Tây;Con ông: Hoàng Thế U và bà: Nguyễn Thị V; Vợ: Bùi Thị Th - sinh năm 1962; Có 02 con; lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không.

Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

2. Họ và tên: Nguyễn Thu Th, sinh năm 1987; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT: xã Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ bộ phận một cửa của Văn phòng HĐND và UBND TX Sơn Tây. Hiện là cán bộ phòng tài nguyên và môi trường thị xã Sơn Tây; Con ông: Nguyễn Huy T – sinh năm 1985 và bà: Khuất Thị M, sinh năm 1959; Chồng: Nguyễn Văn G - sinh năm 1985; Có 02 con; lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

3. Họ và tên: Phạm Thị Nh, sinh năm 1985; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT: phường Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ phòng TN&MT, hiện là cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh thị xã Sơn Tây; Tham

gia Đảng, đoàn thể: Là đảng viên đảng cộng sản - Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 76-QĐ/UBKTThU ngày 08/10/2019 của Uỷ ban kiểm tra thị uỷ Sơn Tây; Con ông: Phạm Đình B, sinh năm 1958 và bà: Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1961; Chồng: Nguyễn Thành Đ - sinh năm 1983; Có 01 con; sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

4. Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Ng, sinh năm 1977; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT: phường Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ văn thư Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Sơn Tây, hiện là Lao động tự do;Con ông: Nguyễn Ngọc D và bà: Đỗ Thị Th; Chồng: Hoàng Thanh T - sinh năm 1976; Có 01 con; sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án, Bản án số 04/2013/HSST ngày 29/01/2013 ngày 29/01/2013, Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây xử phạt 5 năm tù về tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công cụ và tội giả mạo trong công tác, đến ngày 31/8/2015 được đặc xá, về dân sự và án phí đã chấp hành xong.

Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. ông ***Đoàn Quốc Dự,*** Luật sư Văn phòng số VII– Đoàn luật sư thành phố Hà Nội,- bào chữa cho bị cáo Hoàng Thế H – **có mặt.**

2. ông ***Văn Trường Chinh và ông Lê Đ Minh,*** Luật sư Văn phòng luật sư Nhân Nghĩa – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội,- bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Nh - **có mặt**.

3. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên** và ông **Phạm Thanh Sơn, có mặt**;

bà Nguyễn Thị Hải Anh, vắng mặt - Luật sư Văn phòng luật sư Nam Hà Nội – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội - bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Nh và Nguyễn Thu Th.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Đại diện UBND thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Do ông **Phạm Thanh Phong –** Phó chủ tịch UBND thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, (có mặt).

2. Phòng Tài Nguyên và Môi trường thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Do ông **Nguyễn Thanh Hà –** Trưởng phòng tài nguyên và môi trường thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, (có mặt).

3. Văn phòng đăng ký nhà đất chi nhánh thị xã Sơn Tây.

Do bà **Bùi Thị Minh H** – Gám đốc Văn phòng đăng ký nhà đất chi nhánh thị xã Sơn Tây, (có mặt).

4. Bị án **Đỗ Anh Đ,** sinh năm 1976

Địa chỉ: hiện đang thi hành án tại trại giam Suối Hai, Bộ Công an, (có mặt).

5. Bà **Vũ Thị Ph** – Cán bộ ban tiếp công dân HĐND và UBND thị xã Sơn Tây.

Địa chỉ: số 1 Phó Đ Chính, Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội, (có mặt).

6. Bà **Tạ Thị Thuý A** – Cán bộ văn thư UBND thị xã Sơn Tây.

Địa chỉ: số 1 Phó Đ Chính, Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội, (có mặt).

7. Anh **Vũ Mạnh Qu** – Cán bộ UBND phường Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội,

Địa chỉ: UBND phường Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội, (có mặt).

8. bà **Phạm Thị Huyền Ng** – Phòng tài nguyên và môi trường thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

Địa chỉ: số 1 Phó Đ Chính, Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội, (có mặt).

9. ông **Phan Tiến M** –Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh Sơn Tây.

Địa chỉ: số 1 Phó Đ Chính, Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Sơn Tây trực thuộc Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-UBND, ngày 05/9/2005 UBND thị xã Sơn Tây.Ngày 09/9/2005 UBND thị xã Sơn Tây ra Quyết định số 110/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (viết tắt là VPĐKQSDĐ), như sau:

Giúp trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với hộ gia đình các nhân, người Việt nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở gắn với quyền sử dụng đất ở, cộng đồng dân cư; Lưu trữ quản lý bản sao GCNQSDĐ và các giấy tờ khác hình thành trong quá trình thực hiên thủ tục hành chính; Quản lý viên chức, người lao động và tài chính, tài sản thuộc VPĐKQSDĐ theo quy định của pháp luật,... VPĐKQSDĐ gồm có Giám đốc, các phó giám đốc và các viên chức chuyên môn giúp việc.

Ngày 06/01/2009 UBND thành phố Sơn Tây ra Quyết định số 01/QĐ-UBND bổ nhiệm Hoàng Thế H, Phó giám đốc VPĐKQSDĐ đến nhận công tác và giữ chức Phó trưởng Phòng TN&MT kiêm giám đốc VPĐKQSDĐ thành phố Sơn Tây.

Ngày 19/4/2010 và ngày 18/5/2011, VPĐKQSDĐ thị xã Sơn Tây ra Thông báo số 255 và Thông báo số 474 (do Hoàng Thế H ký) về việc phân công nhiệm vụ của cán bộ và nhân viên VPĐKQSDĐ thị xã Sơn Tây:

Hoàng Thế H- Phó phòng kiêm Giám đốc văn phòng: Thực hiện nhiệm vụ do trưởng phòng giao; Phụ trách điều hành hoạt động của văn phòng, quản lý kinh phí, quản lý tài sản của văn phòng, quản lý viên chức, người lao động; Chịu trách nhiệm trước pháp luật, tước UBND thị xã và Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây về toàn bộ hoạt động của VPĐKQSDĐ.

Phạm Thị Nh: Tiếp nhận, theo dõi, luân chuyển hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ giao dịch về đất đai, trình phòng, UBND ký duyệt, hoàn thiện và chuyển văn thư vào sổ, Tập hợp các hồ sơ chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính, lập danh sách và chuyển sang chi cục thuế, tiếp nhận kết quả của chi cục thuế chuyển sang,...

Nguyễn Thị Minh Ng (cán bộ văn thư, lưu trữ từ năm 2003 đến 06/3/2013): Tiếp nhận văn bản đến, vào sổ, đố dấu, gửi văn bản đi, lưu trữ các văn bản đi, đến; Đóng dấu tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ các hồ sơ cấp GCNQSDĐ, các giao dịch

về đất đai, hồ sơ giao đất cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, lưu trữ hồ sơ; Sắp xếp, phân loại hồ sơ, đảm bảo tiện lợi, an toàn không để xảy ra mối mọt, cháy nổ, thất lạc hồ sơ,... phải tuân thủ theo quy định bảo mật hồ sơ, tài liệu của cơ quan.

Phùng Văn Qu (phụ trách địa bàn Đường Lâm, Ngô quyền, Xuân Khanh, Thanh Mỹ), Phan Tiến M (phụ trách địa bàn Quang Trung, Sơn Lộc, cổ Đông, Kim Sơn, Sơn Đông), Nguyễn Đ Th (phụ trách địa bàn Trung Hưng, Viên Sơn, Trung Sơn Trầm, Lê Lợi): Thực hiện các thủ tục hành chính về cấp GCNQSDĐ, trích đo, trích lục thửa đất, xác định vị trí, giá đất, các công việc khác do Văn phòng, Phòng giao.

Ngoài ra còn phận công nhiệm vụ cho Nguyễn Thị Bích Ng - Phó giám đốc văn phòng (thực hiện các công việc do Giám đốc văn phòng phân công) và đ/c Phạm Vũ Cộng H (kế toán).

Ngày 30/01/208,ngày 11/5/2009, ngày 02/01/20111, ngày 05/4/2011 Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây ra Thông báo phân công nhiệm vụ của lãnh đạo, chuyên viên và cán bộ phòng: Đối với Hoàng Thế H, Phạm Thị Nh, Nguyễn Thị Minh Ng, Phùng văn Qu, Phan Tiến M như thông báo của VPĐKQSDĐ và phân công nhiệm vụ cho các chuyên viên Dương Đ C, Chu Chí H, Nguyễn Bá Th có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, lập tờ trình,... (Phạm Thị Huyền Ng - Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây từ ngày 09/3/2011 theo Quyết định số 152/QĐ-UBND).

Ngày 15/3/2011 UBND thành phố Sơn Tây ra Thông báo số 15/TB-VP phân công nhiệm vụ đối với Nguyễn Thu Th: Thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực tài nguyên môi trường, thực hiện việc ghi chép sổ nhật ký, sử dụng phần mềm hồ sơ một cửa, đôn đốc và báo cáo kết quả tiếp nhận giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định.

Ngày 28/4/2011 UBND thị xã Sơn Tây ban hành Quy trình đăng ký biến động với trường hợp chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sở hữu đất ở của UBND thị xã Sơn Tây (ban hành lần 2), áp dụng cho những hộ gia đình, cá nhân chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở (không chia tách) do UBND thị xã cấp GCN, như sau:

Khi công dân đến Trung tâm giao dịch hành chính một cửa, một cửa liên thông của UBND thị xã Sơn Tây (gọi tắt là Bộ phận một cửa) nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ, Bộ phận một cửa có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, viết giấy hẹn trả hồ sơ, bàn giao hồ sơ đã tiếp nhận ngay trong ngày làm việc cho VPĐKQSDĐ để kiểm tra, xử lý hồ sơ, viết GCNQSDĐ (trong thời hạn 3 ngày làm việc), chuyển thông tin đến Cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính, trong thời hạn 5 ngày làm việc Cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính chuyển cho VPĐKQSDĐ;Sau 8 ngày làm việc VPĐKQSDĐchuyển hồ sơ cho Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây thẩm định hồ sơ, lập tờ trình, trình chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được phân công duyệt ký, văn thư đóng dấu; Chuyển lại cho VPĐKQSDĐ vào sổ cấp GCNQSDĐ, lưu hồ sơ, trả GCNQSDĐ và chuyển kết quả thuế cho Bộ phận một cửa để trả GCNQSDĐ cho công dân. Thời gian thực hiện quy trình là 19 ngày làm việc.

1. Hành vi Thiếu trách nhiệm của Hoàng Thế H, Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh gây hậu quả thiệt hại số tiền 3,5 tỷ đồng.

Trong thời gian từ 28/2/2011 đến 23/5/2011,Hoàng Thế H, Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho 4 thửa đất vợ chồng Đỗ Anh Đ và Trần Thị Phương Th mua của người khác, không đúng quy trình cấp GCNQSDĐ, gây hậu quả thiệt hạisố tiền 3,5 tỷ đồng, cụ thể.

1.1Thửa đất 160 m² đất tại khu Đồi Mỏm Nhanh, thôn Kim Trung, xã Kim Sơn,thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

Ngày 28/02/2011, Đỗ Anh Đ nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng Đ, Th thửa đất số 11 (mua từ ngày 24/12/2009), diện tích 160 m² đất tại khu thôn Kim Trung, xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, GCNQSDĐ ***số AI 864479*** ngày 28/6/2007, số vào sổ: H00862 mang tên chị Nguyễn Thị Vân H và chị Nguyễn Thị H tại Bộ phận một cửa, ***Nguyễn Thu Th*** làm xong thủ tục tiếp nhận hồ sơ thì Đ nói cho Đ cầm hồ sơ để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, Th nói nếu ***Phạm Thị Nh*** đồng ý thì Th mới cho Đ cầm hồ sơ đi, Đ điện thoại cho Nh, Nh đồng ý, nên Th cho Đ cầm hồ sơ đi và ghi vào lề bên trái sổ giao nhận *"A c TChính",* đến cuối ngày Nh ký nhận vào sổ giao nhận của Th. Đ gặp ***Phan Tiến M*** v à***Phùng văn Qu*** (Qu không phụ trách xã Kim Sơn) nhờ giúp ở khâu kỹ thuật, Qu in thông tin, vẽ sơ đồ thửa đất lên phôi GCNQSDĐ số BA607076 và đưa phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính cho Đ viết, Qu ký tên ở phần người kiểm tra, rồi chuyển lại Đ. Đ trực tiếp cầm hồ sơ nhờ ***Hoàng Thế H*** kiểm tra, ký nháy vào phôi GCNQSDĐ, ký xác nhận vào phiếu chuyển thông tin địa chính,rồi chuyển lại cho Đ; Đ tiếp tục nhờ ***Phạm Thị Nh*** lập danh sách chuyển thông tin thuế sang Chi cục thuế để nộp thuế ,***Dương Đ C*** thẩm định hồ sơ, lập tờ trình, ***Phan Thị Huyền Ng*** - kiểm tra hồ sơ, ký nháy vào phôi GCNQSDĐ, ký vào tờ trình, ***Nguyễn Thị Minh Ng*** lấy số, đóng dấu vào phiếu chuyển thông tin địa chính và vào tờ trình, *bà* ***Phan Thị H*** - Phó Chủ tịch UBND thị xã Sơn Tây kiểm tra, ký vào GCNQSDĐ,,***Tạ Thị Thuý A*** đóng dấu UBND vào GCNQSDĐ mới số ***BA607076 ngày 25/5/2011*** mang tên Đ, Th. Đ không nộp lưu GCNQSDĐ cũ cho Phòng TN&MT và lấy số cấp GCN đối với GCNQSDĐ mới mà Đ mang cả GCNQSDĐ cũ và mới về nhà.

Ngày 19/7/2011 Đ, Th sử dụng GCNQSDĐ cũ và Hợp đồng chị H, chị H chuyển nhượng QSDĐ cho Đ, Th thế chấp cho ông Nguyễn Bá Đ, trú tại: phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây vay số tiền 500 triệu đồng, Th đã trả cho ông Đ 500 triệu đồng.

Ngày 05/8/2011,Đ, Th sử dụng GCNQSDĐ mới số BA607076 thế chấp cho bà Nguyễn Thị Th, trú tại 19 phố Lê Lợi, thị xã Sơn Tây vay ***500 triệu đồng***, rồi bỏ trốn chiếm đoạt tiền vay.

1.2 Thửa đất số 03, diện tích 100m²,GCNQSDĐ số AM 626413 ngày 07/04/2009, xã Xuân Sơn, TX Sơn Tây, Hà Nội.

Năm 2008, ông Bùi Văn Th và bà Lê Thị Ph ở xã Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội được cấp 100m² đất tại xã Xuân Sơn, Sơn Tây, GCNQSDĐ số AM 626413 ngày 07/04/2009,số vào sổ H01579. Ông Th, bà Ph đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông Lê Ngọc B ở thôn Nhân Lý, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây. Ngày 17/4/2010, ông B bán cho Trần Thị Phương Th dưới hình thức nhờ ông Th, bà Ph ký Hợp đồng uỷ quyền số 1141bán thửa đất này cho Th (vì GCNQSDĐ vẫn mang

tên ông Th, bà Ph). ***Ngày 20/5/2011***, Th ký Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất cho Đỗ Anh Đ tại Phòng công chứng số 8, Hà Nội, cùng ngày, Đ nộp hồ sơ xin chuyển quyền sử dụng từ tên ông Thủy, bà Phương sang tên Đ tại Bộ phận một cửa. Cũng như trường hợp trên, ***Nguyễn Thu Th,*** Phạm Thị Nh cho Đ cầm hồ sơ đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ,Đ gặp Phùng văn Qu và Phan Tiến M (không phụ trách xã Xuân Sơn) nhờ giúp, M in thông tin thửa đất, vẽ sơ đồ lên phôi GCNQSDĐ số BĐ701730, Qu đưa phiếu chuyển thông tin địa chính viết cho Đ viết, Qu ký ở phần người kiểm tra, rồi chuyển hồ sơ lại cho Đ. Đ cầm hồ sơ nhờ Hoàng Thế H kiểm tra ký nháy vào phôi GCNQSDĐ, ký xác nhận phiếu chuyển thông tin địa chính, rồi đưa lại cho Đ. Cũng như trường hợp trên Đ nhờ Phạm Thị Nh, Nguyễn Bá Th, Phạm Thị Huyền Ng,Nguyễn Thị Minh Ng, Phan Thị H, Tạ Thị Thuý A làm các thủ tục tiếp theo để cấp GCNQSDĐ cho Đ. Sau khi có chữ ký,đóng dấu vào GCNQSDĐ mới số***BĐ701730 ngày 25/5/2011***mang tên Đ.Đ mang cả GCNQSDĐ cũ và mới về nhà.

Ngày 20/6/2011, Đ, Th sử dụng GCNQSDĐ mới số BĐ701730 chuyển nhượng thửa đất cho ông ***Nguyễn Thành S***, trú tại: phố Lê Lợi, Sơn Tây với giá 800 triệu đồng. Tháng 6/20111, Đ, Th sử dụng GCNQSDĐ cũ số AM 626413mang tên ông Thuỷ, bà Phương và Hợp đồng uỷ quyền số 1141 ngày 17/4/2010, thế chấp cho bà ***Hoàng Thị L,*** trú tại: thị trấn Tây Đằng, Ba Vì vay số tiền 500 triệu đồng, sau đó Đ, Th bỏ trốn. Tổng số tiền Đ, Th chiếm đoạt của ông S, bà L là 1,3 tỷ đồng.

1.3 Thửa đất số 76, diện tích 80m^2 đất ở xã Kim Sơn, TX Sơn Tây, TP Hà Nội.

Ngày 10/3/2011, ông Nguyễn Trung Ngh và bà Phạm Thị X, trú tại: xã Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội chuyển nhượng thửa đất số 76, diện tích 80m^2, GCNQSDĐ số ***AM487323 ngày 29/12/2006***ở xã Kim Sơn, Sơn Tây cho vợ chồng Đ, Th. *Ngày 23/5/2011*, Đ nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ cho Đ, Th tại Bộ phận một cửa. Cũng như các trường hợp trên, ***Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh*** cho Đ cầm hồ sơ đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, Đ nhờ Phan Tiến M in thông tin thửa đất, vẽ sơ đồ lên phôi GCNQSDĐ số BĐ701731,Phùng văn Qu tách hồ sơ thuế, viết phiếu chuyển thông tin địa chính, Qu đưa phiếu chuyển thông tin địa chính cho Đ viết, Qu ký ở phần người kiểm tra, rồi trả lại hồ sơ cho Đ. Đ cầm hồ sơ nhờ Hoàng Thế Hkiểm tra ký nháy vào phôi GCNQSDĐ số BĐ701731, ký phiếu chuyển thông tin địa chính, Hoà ký xong đưa lại cho Đ. Cũng như trường hợp trên Đ nhờ Phạm Thị Nh, Chu Chí H, Phạm Thị Huyền Ng,Nguyễn Thị Minh Nguyệ,t Phan Thị H, Tạ Thị Thuý A làm các thủ tục tiếp theo để cấp GCNQSDĐ cho Đ.Sau khi có chữ ký, đóng dấu UBND vào GCNQSDĐ mới số***BĐ 701731*** *ngày 25/5/2011*mang tên Đ, Th. Đ mang cả GCNQSDĐ cũ và mới về nhà.

Ngày 28/5/2011 Đ, Th sử dụng GCNQSDĐ mới số BĐ701731 mang tên Đ, Th chuyển nhượng thửa đất trên cho ông ***Nguyễn Xuân N***, trú tại: Chùa Thông, Sơn Tây với giá 700 triệu đồng. Đầu năm 2011 Đ, Th sử dụngGCNQSDĐ cũ số AM487323 và Hợp đồng ông Ngh, bà X chuyển nhượng cho Đ, Th thế chấp cho bà ***Hoàng Thị L*** vay 400 triệu đồng. Sau đó Đ, Th bỏ trốn.Tổng số tiền Đ, Th chiếm đoạt của ông N, bà L là ***1,1 tỷ đồng***.

1.4Thửa đất số 12, diện tích 60 m^2, thôn Hưng Thịnh, xã Đường Lâm, Sơn Tây.

Ngày 14/4/2010, vợ chồng ông Phan Văn H và bà Hà Thị Tuyết Th HKTT: xã Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội chuyển nhượng thửa đất số 12, diện tích 60 m^2, thôn Hưng Thịnh, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây,GCNQSDĐ số S137806 ngày 26/11/2004, số vào sổ 00878 cho Đ, Th. Ngày 20/5/2011, Đ nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ cho Đ, Th tại Bộ phận một cửa. ***Nguyễn Thu Th,*** Phạm Thị Nh cho Đ cầm hồ sơ đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, Đ nhờ Phan Tiến M (không phụ trách xã Đường Lâm) in thông tin thửa đất, vẽ sơ đồ lên phôi GCNQSDĐ số BĐ701732 vàPhùng văn Qu đưa phiếu chuyển thông tin địa chính viết cho Đ viết, Qu ký ở phần người kiểm tra, rồi chuyển lại cho Đ. Đ nhờ Hoàng Thế H kiểm tra ký nháy vào phôi GCNQSDĐ số BĐ701732, ký phiếu chuyển thông tin địa chính, rồichuyển lại hồ sơ cho Đ. Đ nhờ Phạm Thị Nh, Nguyễn Bá Th, Phạm Thị Huyền Ng, Nguyễn Thị Minh Ng,Phan Thị H, Tạ Thị Thuý A làm các thủ tục tiếp theo để cấp GCNQSDĐ cho Đ.Sau khi có chữ ký, đóng dấu UBND vào GCNQSDĐ mới số***701732 ngày 25/5/2011***mang tên Đ, Th. Đ mang cả GCNQSDĐ cũ và mới về nhà.

Ngày 28/5/2011, Đ, Th sử dụng GCNQSDĐ mới chuyển nhượng cho ông ***Nguyễn Xuân N***, trú tại: Chùa Thông, Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội với giá ***600 triệu đồng***. Còn GCNQSDĐ đất cũ, không xác định được Đ, Th sử dụng vào mục đích ***gì.***

Bản án số43/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội kết tội Đỗ Anh Đ và Trần Thị Phương Th phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Th 500 triệu đồng;của ông ***Nguyễn Thành S*** 800 triệu đồng, của bà ***Hoàng Thị L*** 900 triệu đồng; của ông ***Nguyễn Xuân N*** 1,3 tỷđồng, tổng số tiền chiếm đoạt là 3,5 tỷ đồng; Buộc Đ, Th phải bồi thường số tiền chiếm đoạt trên cho các bị hại, kê biên 04 thửa đất nêu trên để đảm bảo thi hành án.

2. Hành vi Thiếu trách nhiệm của Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh gây hậu quả thiệt hại số tiền 2 tỷ đồng.

Trong thời điểm tháng 6/2011,Đỗ Anh Đ nộp 6 hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ cho người khác nhờ Đ làm thủ tục cấp GCNQSDĐ tại Bộ phận một cửa, sau khi làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ Nguyễn Thu Th và Phạm Thị Nh cho Đ cầm 6 hồ sơ đi, Đ đem hồ sơ về nhà, rồi vợ chồng Đ, Th đem 6 GCNQSDĐ thế chấp cho người khác để vay tiền, 02 GCNQSDĐxác định được số tiền vay, 04 GCNQSDĐ không xác định được số tiền vay (vì bị hại sửa giấy vay tiền và không nhớ số tiền cho vay), như sau:

+ ***Ngày 01/6/2011***, Đỗ Anh Đ và Trần Thị Phương Th chuyển nhượng thửa đất số 02, diện tích 100 m^2, xã Xuân Sơn, Sơn Tây, GCNQSDĐ số BA 607077 ngày 30/5/2011, số vào sổ cấp GCN CH00059 mang tên mang tên Đ, Th cho anh Phạm Văn Kh, trú tại: Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội với giá 250 triệu đồng. Ngày 22/6/2011, anh Kh cùng Đ nộp hồ sơ xin chuyển QSD thửa đất từ tên Đ, Th sang tên anh Kh tại Bộ phận một cửa, ***Nguyễn Thu Th*** *và* ***Phạm Thị Nh*** cho Đ cầm hồ sơ đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ nhưng Đ mang hồ sơ về nhà. Ngày 21/7/2011, Đ, Th sử dụng GCNQSDĐ số BA 607077 thế chấp cho bà***Hoàng Thị L*** *vay 01 tỷ đồng*.

+ ***Ngày 24/6/2010***, ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Th, trú tại: phường Trung Hưng, Sơn Tây chuyển nhượng thửa đất 73,6m^2 tại xã Đường Lâm, Sơn Tây, *GCNQSDĐ số AM 776119 ngày 31/12/2008, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H01595* cho ông Phan Nga, trú tại: Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội. Ông Ng đã đưa *GCNQSDĐ* và hợp đồng chuyển nhượng cho anh Lê Hồng M, trú tại: Bùi Thị Xuân, Sơn Tây, Hà Nội để anh M nhờ Đ làm thủ tục cấp GCN cho ông Ng. ***Ngày 17/6/2011***, Đ nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa ***Nguyễn Thu Th và Phạm Thị Nh*** để Đ cầm hồ sơ đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Ng, nhưng Đ cầm hồ sơ về nhà. Sau đó Đ, Th sử dụng GCNQSDĐ mang tên ông T, bà Th đổi chấp lấy GCNQSDĐ số AG 591590 ngày 03/4/2007 mang tên bà Khuất Thị Kh đang thế chấp cho bà ***Nguyễn Thị H*** trú tại: thị trấn Tây Đằng, Ba Vì vay 01 tỷ đồng, sau đó Đ, Th bỏ trốn chiếm đoạt tiền vay.

+ *04GCNQSDĐ không xác định được số tiền chiếm đoạt,* gồm: 02 GCNQSDĐ thế chấp cho bà Hoàng Thị L là GCNQSDĐ số AB 808554 ngày 10/11/2005 mang tên ông Bùi Văn H và bà Hà Thị T và GCNQSDĐ số AG487259 ngày 29/12/2006 mang tên bà Nguyễn Thị Đ; 02 GCNQSDĐ thế chấp cho bà Nguyễn Thị H là GCNQSDĐ số T617485 ngày 01/10/2003mang tên ông Đỗ Quang Đ và bà Phan Thị B (là bố mẹ của Đ) và GCNQSDĐ số AL 656044 ngày 27/6/2008 mang tên Nguyễn Thị Ph.

Bản án số43/2016/HSST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội kết tội Đ, Th phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt của ***Hoàng Thị L 01 tỷ đồng***; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoat của bà ***Nguyễn Thị H 01 tỷ đồng***, tổng số tiền Đ, Th chiếm đoạt là 02 tỷ đồng.

3. Hành vi Thiếu trách nhiệm của Nguyễn Thị Minh Ng gây thiệt hại 3 tỷ đồng.

Trong thời điểm từ cuối năm 2007 đến năm tháng 8/2011 Nguyễn Thị Minh Ng là cán bộ văn thư lưu trữ có nhiệm vụ quản lý kho lưu trữ hồ sơ của Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây để mất các GCNQSDĐ. Đỗ Anh Đ và Trần Thị Phương Th khai, Đ nhặt được 10 GCNQSDĐ đem thế chấp để vay tiền, cụ thể:

3.1. Ngày 25/02/2011, ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị H, trú tại: Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội chuyển nhượng thửa đất 68m^2, GCNQSDĐ số AL 656109 ngày 11/01/2008, địa chỉ thửa đất: phường Xuân Khanh, Sơn Tây cho ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Mĩ L trú tại: Duyên Lãm, Thuỵ An, Ba Vì, Hà Nội với giá 490 triệu đồng. Ngày 31/3/2011, ông Th nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ tại Bộ phận một cửa. Nguyễn Thu Th nhận hồ sơ đã ký phiếu nhận, hẹn trả hồ sơ. Ngày 13/5/2011, chị Phạm Thị Nh lập danh sách chuyển hồ sơ cho Nguyễn Thị Minh Ng là người quản lý kho lưu trữ, tìm hồ sơ gốc để đối chiếu kích thước các cạnh do không phù hợp với diện tích. Đến tháng 6/2011, Ng có công việc gia đình nên bàn giao lại các hồ sơ chưa tìm được hồ sơ gốc cho Nh nhưng không tìm thấy GCNQSDĐ mang tên ông Ch, bà H.

Đ, Th khai Đ nhặt được GCNQSDĐ này,ngày 15/5/2011 Đ, Th thế chấp GCNQSDĐ số AL 656109cho chị ***Hoàng Thị L*** vay 01 tỷ đồng.

3.2.Tháng 3/2008, ông Nguyễn Văn S, trú tại: phường Viên Sơn, Sơn Tây được cấp 60 m^2 đất ở, thôn Cam Thịnh, xã Đường Lâm, Sơn Tây. Ông Sơn bán diện tích đất trên cho ông Trương Vũ S ở thôn Hưng Thịnh, xã Đường Lâm. Ngày

30/8/2008, ông Trương Vũ S bán lại thửa đất này cho vợ chồng ông Vũ Văn T, bà Hoàng Thị Đ ở thôn Hưng Thịnh. Ngày 26/12/2008, UBND thị xã Sơn Tây mới cấp GCNQSDĐ số AM 767556 mang tên ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Ng. Ông Trương Vũ S nhờ vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Ng làm thủ tục chuyển QSD đất cho vợ chồng ông T, bà Đ. Ngày 21/9/2009, UBND thị xã Sơn Tây cấp GCNQSDĐ số AP 911082, số vào sổ: H01795 mang tên ông Vũ Văn T, bà Hoàng Thị Đ. GCNQSDĐ mang tên ông S, bà N đã được nộp lưu tại kho của Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây do Nguyễn Thị Minh Ng quản lý.

Đ, Th khai Đ nhặt được GCNQSDĐ mang tên ông Sơn, bà Nga, khoảng tháng 4/2011Đ, Th đem thế chấp cho bà Nguyễn Thị H vay 01 tỷ đồng.

3.3. Ngày 07/5/2011, Phạm Thị Nh giao hồ sơ 4 thửa đất trúng đấu giá tại khu tái định cư Trung Hưng cho Nguyễn Thị Minh Ng để vào sổ cấp GCNQSDĐ và lưu trữ hồ sơ, 4 thửa đất trên có các GCNQSDĐ: số BĐ727489 ngày 28/42011 mang tên bà Ngô Thị Kim Đ, trú tại: phường Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số BĐ727484 ngày 28/4/2011 mang tên bà Đỗ Thị Th, trú tại: số Sơn Tây, Hà Nội; số BĐ727492 ngày 28/4/2011 mang tên bà Ngô Thị Minh T,trú tại: phường Phan Chu Chinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số BĐ727483 ngày 28/4/2011 mang tên bà Nguyễn Thị Kim D, trú tại: phường Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội;

Đ, Th khai, Đ nhặt được các GCNQSDĐ của các thửa đất trên ở sân UBND thị xã Sơn Tây. Khoảng tháng 5/2011, *Đ, Th sử dụng****GCNQSDĐ số BĐ727489*** mang tên bà Ngô Thị Kim Đthế chấp cho bà***Nguyễn Thị Hoa vay 01 tỷ đồng***. Còn 03 GCNQSDĐ mang tên bà Thưởng, bà Tâm, bà Dung, vợ chồng Đ thế chấp cho bà Hoàng Thị L để vay tiền nhưng không xác định được số tiền vay của là bao nhiêu.

3.4.Ngày 05/9/2007,UBND thị xã Sơn Tây cấp GCNQSDĐ: số AG 487076 ngày 05/9/2007 mang tên Nguyễn Văn Th và Đào Thị T; số AE 253502 ngày 05/9/2007 mang tên Kiều Văn S và Vũ Thị L đều ở Đường Lâm, Sơn Tây nhưng chưa vào sổ cấp GCNQSDĐ thì bị mất.

Đ khai xin 02 GCNQSDĐ của người thu mua giấy vụn tại sân UBND thị xã Sơn Tây,ngày 30/4/2009Đ, Th thế chấp cho bà ***Hoàng Thanh B***,Trú tại: Khu đô thị Sông Đà, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm để vay 1,9 tỷ đồng.

Ngày 25/10/2011 Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây báo cáo đã cấp GCNQSDĐ cho ông Th, bà T và ông S, bà L, trong thời gian làm thủ tục trả GCNQSDĐ thì đã làm mất 02 GCNQSDĐ này, nhưng chưa xác định được ai làm mất.

Nguyễn Thị Minh Ng khai chưa nhận được 02 hồ sơ cấp GCNQSDĐ của 02 thửa đất nêu trên. Nên không đủ căn cứ kết luận buộc Ng phải chịu trách nhiệm trong việc làm mất 02 GCNQSDĐ trên.

3.5. Đỗ Anh Đ và Trần Thị Phương Th khai: Đ nhặt được GCNQSDĐ: số 626383 ngày 14/5/2009 mang tên ông Hoàng Văn T và số AG 592746 ngày 30/10/2006 mang tên ông Vũ Ngọc T và bà Nguyễn Thị L ở: Quang Trung, Sơn Tây (là các GCNQSDĐ cũ đã đưa vào lưu trữ do Nguyễn Thị Minh Ng quản lý). Sau đó Đ, Th khai Đ nhặt được các GCNQSDĐ này đem thế chấp cho bà Hoàng Thị L để vay tiền, nhưng không xác định được số tiền vay là bao nhiêu.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra xác định Ng là người quản lý các GCNQSDĐ: số AL 656109 ngày 11/01/2008 mang tên *ông Nguyễn Văn Ch* và bà Nguyễn Thị H; số AM 767556 ngày 26/12/2008 mang tên ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Ng; số BĐ727489 ngày 28/42011mang tên bà Ngô Thị Kim Đ nhưng làm mất. Đ, Th khai nhặt được các GCNQSDĐ này đem thế chấp để chiếm đoạt của bà Hoàng Thị L 01 tỷ đồng, của bà Nguyễn Thị H 02 tỷ đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 3 tỷ đồng.

Sau khi Đỗ Anh Đ và Trần Thị Phương Th bỏ trốn thì UBND thị xã Sơn Tây, Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây mới rà soát, yêu cầu Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh, Nguyễn Thị Minh Ng và VPĐKQSDĐ báo cáo các trường hợp mấ tGCNQSDĐ liên quan đến Đỗ Anh Đ như nội dung vụ án nêu trên.

Cơ quan điều tra đã thu thập các Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất nêu tại phần 1; Các Phiếu giao nhận hồ sơ các ngày 12/01/2011, 28/02/2011, 14/3/2011, 21/4/2011, 20/5/2011, 23/5/2011, 17/6/2011, 22/6/2011, 22/8/2011 của Bộ phận một cửa thị xã Sơn Tây để giám định.

Kết luận giám định số 2518 ngày 26/4/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội, kết luận: *Chữ ký, chữ viết dòng họ tên "Phạm T Nh" dưới mục "Người nhận" trên các Phiếu giao nhận - hồ sơ các ngày 12/01/2011, 28/02/2011, 14/3/2011, 21/4/2011, 20/5/2011, 23/5/2011 là do Phạm Thị Nh ký ra; trên các Phiếu giao nhận - hồ sơ các ngày 17/6/2011, 22/6/2011, 22/8/2011 là do Vũ Mạnh Qu ký ra.*

Chữ viết "A Đ TChính" viết bên lề bên phải của các phiếu giao nhận là chữ viết của Nguyễn Thu Th.

Kết luận giám định số 2060 ngày 08/4/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội, kết luận: *Chữ viết phần nội dung trên các Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính là do **Đỗ Anh Đ** viết ra;Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phùng văn Qu dưới mục"Người kiểm tra" là do **Phùng văn Qu** ký ra; Chữ ký đứng tên Hoàng Thế H mục "Giám đốc văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất" trên Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính và chữ ký nháy dạng viết tên "H" phía cuối bên phải mục ngày tháng "Sơn Tây, ngày ..... năm 2011" trên các GCNQSDĐ số BA607076, BĐ701730, BĐ701731, BĐ701732 là do **Hoàng Thế H** ký ra; Chữ ký nháy phía cuối bên phải mục " TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY" trên các GCNQSDĐ là do Phạm Thị Huyền Ng ký ra.*

Bản kết luận giám định số 530/C54-P5 ngày 14/3/2012 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát và Bản Kết luận giám định số 7020/KLGĐ-PC54 ngày 07/11/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an TP Hà Nội, kết luận các Phôi GCNQSDĐ, chữ ký trên GCNQSDĐ là chữ ký của bà Phan Thị H, con dấu là của UBND thị xã Sơn Tây.

Quá trình điều tra bị can và các đối tượng liên quan khai báo như sau:

- Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh khai: Cho Đ cầm hồ sơ đi liên hệ với các bộ phận trong quy trình cấp GCNQSDĐ để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho 04 thửa đất vợ chồng Đ, Th mua của người khác và 6 thửa đất người khác nhờ Đ là không đúng quy trình cấp GCNQSDĐ của UBND thị xã Sơn Tây. Các trường hợp của Đ

nêu trên Nh khôngvào sổ giao nhận của Nh để giao cho cán bộ chuyên môn phụ trách địa bàn giải quyết và cũng không theo dõi kết quả giải quyết như thế nào.

- Nguyễn Thị Minh Ng khai: Ng quản lý kho lưu trữ hồ sơ của Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây, do không cẩn thận trong khi giao nhận và quản lý hồ sơ, nên Ng không biết bị mất các GCNQSDĐ nêu trên khi nào. Ng không biết tại sao Đ, Th có được các GCNQSDĐ này để đem thế chấp vay tiền. Ng nhiều lần đóng dấugiúp Đ vào phiếu chuyển thông tin địa chính vàtờ trình, trong đó có các thửa đất vợ chồng Đ, Th mua của người khác.

- Đỗ Anh Đ khai: Thuỷ, Nh cho Đ cầm hồ sơ đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng Đ, Th và cho người khác. Đ nhờ Phùng văn Qu và Phan Tiến M xử lý xong ở khâu kỹ thuật thì Đ trực tiếp cầm hồ sơ gặp Hoàng Thế H nhờ Hoà kiểm tra,ký nháy vào GCNQSDĐ và ký phiếu chuyển thông tin địa chính, rồi chuyển lại cho Đ để Đ tiếp tục đi gặp các cán bộ trong quy trình để làm tục cấp GCNQSDĐ. Sau khi có chữ ký và đóng dấu UBND thị xã Sơn Tây vào GCNQSDĐ mới thì Đ cầm hồ sơ về nhà rồi vợ chồng Đ, Th đem cả GCNQSDĐ cũ và mới đi thế chấp ở hai nơi để chiếm đoạt tiền vay.

- Hoàng Thế H khai: Không nhận các hồ sơ từ Đỗ Anh Đ để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng Đ, Th mà H nhận hồ sơ theo đúng quy trình cấp GCNQSDĐ do cán bộ kỹ thuật trình ký hoặc để trên bàn việc của H, H kiểm tra thấy có đầy đủ căn cứ để cấp GCNQSDĐ thì H ký nháy vào GCNQSDĐ và ký phiếu chuyển thông tin địa chính. Nhưng căn cứ vào lời khai của Th, Nh, Ng, Qu, M, Đỗ Anh Đ đủ căn cứ kết luận Hoàng Thế H cho Đỗ Anh Đ là người không có chức năng nhiệm vụ gì trong quy trình cấp GCNQSDĐ, gặp H và các cán bộ trong quy trình cấp GCNQSDĐ để nhờ làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho 4 thửa đất mà vợ chồng Đ, Th nhận chuyển nhượng của người khác.

- Phùng văn Qu, Phan Tiến M khai: Sau khi giúp Đ xử lý xong ở khâu kỹ thuật và ký vào phiếu chuyển thông tin địa chính thì chuyển hồ sơ lại cho Đ, để Đ cầm hồ sơ nhờ Hoàng Thế H kiểm tra ký nháy vào GCNQSDĐ và ký phiếu chuyển thông tin địa chính. Qu Mạnh không giao hồ sơ cho Hoàng Thế H.

- Đối với Vũ Mạnh Qu - Cán bộ VPĐKQSDĐ ký nhận hồ sơ giúp Phạm Thị Nh vào ngày 17/6/2011, *22/6/2011*, *22/8/2011*,có 4 trường hợp "Phạm Văn Kh, Đỗ Quang Đ, Vương Văn N (D), Hoàng Văn Tr" Th cho Đ cầm hồ sơ đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, Qu báo lại với Nh, Nh đồng ý.

- Đối với Nguyễn Bá Th, Chu Chí H, Dương Đ C, Phạm Thị Huyền Ng, Tạ Thị Thúy A, Phan Thị H đều khai, nhận hồ sơ để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng Đ, Th theo đúng quy trình cấp GCNQSDĐ, ngoài lời khai của Đ là nhờ các đối tượng trên làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì không có tài liệu nào khác, nên không đủ căn cứ kết luận các đối tượng trên có hành vi vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 220/CT-VKS-P3 ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo: Hoàng Thế H, Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh, Nguyễn Thị Minh Ng về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo:

Hoàng Thế H: Khai nhận về việc có ký nháy vào các hồ sơ chuyển nhượng cho Đỗ Anh Đ, nhưng Hoàng Thế H không thừa nhận là Đ đã cầm hồ sơ vào phòng H để nhờ H trực tiếp ký và đưa hồ sơ cho Đ cầm đi làm các thủ tục tiếp theo. Hoàng Thế H cho rằng hành vi của mình chỉ vi phạm hành chính không cấu thành tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng như truy tố của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Nguyễn Thu Th: Khai nhận là do có sự nể nang đối với Đỗ Anh Đ là cán bộ cùng uỷ ban do vậy sau khi nhận các hồ sơ chuyển nhượng của Đ tại bộ phận 01 cửa và được sự đồng ý của Phạm Thị Nh đã cho Đ cầm hồ sơ đi gặp các bộ phận chuyên môn để nhờ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo Nguyễn Thu Th đã nhận thức được việc làm của mình là sai sót dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, quá trình công tác của bị cáo và có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng là bộ đội thường xuyên vắng nhà, thời điểm phạm tội năm 2011 bị cáo đang mang thai, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Phạm Thị Nh: Khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cũng do sự nể nang đối với cán bộ cùng cơ quan là Đỗ Anh Đ đồng ý để Th giao hồ sơ cho Đ cầm hồ sơ đi làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Bản thân bị cáo đã nhiều lần nhắc nhở Đỗ Anh Đ hoàn thiện hồ sơ để trả lưu trữ, cũng như báo cáo Lãnh đạo phụ trách. Bị cáo Phạm Thị Nh đã nhận thức được việc làm của mình đã dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, quá trình công tác hoàn thành nhiệm vụ là chiến sỹ thi đua cơ sở nhiều năm, hoàn cảnh gia đình khó khăn hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi để cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Nguyễn Thị Minh Ng: Khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo trong quá trình quản lý kho hồ sơ đã thiếu sự kiểm tra giám sát dẫn đến việc mất các sổ đỏ cũ lưu tại kho hô sơ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Thị Minh Ng cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh gia đình khó khăn, có mẹ già để cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bị án Đỗ Anh Đ: Khai nhận toàn bộ sự việc đúng như bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo. Bản thân bị cáo thời điểm 2011 là cán bộ phòng tài chính của UBND thị xã Sơn Tây, không phải là cán bộ trong quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do có sự quen biết bị cáo đã xin Thuỷ và được sự đồng ý của Nh tự cầm hồ sơ Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gặp các cán bộ chuyên môn làm các thủ tục sang tên cho nhanh. Bị cáo Đỗ Anh Đ đã trực tiếp cầm hồ sơ vào gặp Hoàng Thế H để nhờ Hoà ký nháy vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản thân bị án sau khi sự việc xẩy ra bị án đã rất hối hận về hành vi của mình dẫn đến hậu quả làm liên luỵ đến những người khác. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm thành phố Hà Nội: Phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt:

- **Hoàng Thế H** từ 42 đến 48 tháng tù.
- **Nguyễn Thu Th** từ 36 đến 42 tháng tù.
- **Phạm Thị Nh** từ 36 đến 42 tháng tù.
- **Nguyễn Thị Minh Ng** từ 36 đến 42 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Đoàn Quốc Dự: Phân tích hành vi của Hoàng Thế H chỉ là thực hiện theo đúng trình tự của quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các hồ sơ Đỗ Anh Đ nộp đều là việc mua bán hợp pháp, Hoàng Thế H đã thực hiện ký nháy khi thấy đầy đủ hồ sơ, bị cáo Hoà không có việc vụ lợi do vậy Hoàng Thế H không phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Luật sư Phạm Thanh Sơn và Nguyễn Thị Kim Liên: Cùng thống nhất phân tích hành vi của các bị cáo Phạm Thị Nh và Nguyễn Thu Th chỉ là một khâu của quá trình cấp giấy, Nguyễn Thu Th không có nhiệm vụ trả kết quả do vậy không thể biết việc Đ Anh tự ý mang các giấy chứng nhận quyền sử dụng về nhà và sử dụng không đúng. Bản thân các bị cáo đều phạm tội với lỗi vô ý nhân thân chưa tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo hiện đều đang nuôi con nhỏ, bị cáo Nguyễn Thu Th khi phạm tội đang mang thai đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 xử phạt các bị cáo dưới khung và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Văn Trường Chinh và Lê Đ Minh: Cùng thông nhất phân tích hành vi phạm tội của bị cáo Nh cho rằng hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên trong đó việc gây thiệt hại với số tiền 5,5 tỷ đồng như Viện kiểm sát quy kết là chưa đúng, đối với các hồ sơ nhận ngày 22/6/2011 và ngày 22/8/2011 do Vũ Mạnh Qu nhận không phải là những hồ sơ mà Viện kiểm sát quy kết do vậy việc quy kết Nh đối với 02 hồ sơ trên là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, xem xét các đề xuất của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về hành vi, quyết định tố tụng của:*** Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà không có ý kiến khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về áp dụng pháp luật:

Hành vi của các bị cáo xảy ra và bị khởi tố trước 0 giờ ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, nhưng sau ngày này mới có quyết định truy tố, xét xử nên cần áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội theo hướng dẫn của Nghị Quyết số 41/2017 của Quốc Hội cụ thể:

Đối với tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng tại Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 có quy định nhẹ hơn Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015).

Do vậy, Toà án xét xử các bị cáo theo Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] ***Về nội dung:*** Vụ án xẩy ra vào đầu năm 2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Sơn Tây. Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra, xuất phát từ việc Đỗ Anh Đ nguyên là cán bộ phòng tài chính thị xã Sơn Tây, đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Sơn Tây xin làm thủ tục, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 thửa đất mà vợ chồng Đ đã mua hợp pháp, của 04 hộ gia đình khác tại thị xã Sơn Tây. Do nể nang vì Đ là cán bộ của Phòng tài chính thuộc Uỷ ban thị xã Sơn Tây, nên các bị cáo Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh, Hoàng Thế H, sau khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Đ đã không yêu cầu Đ thực hiện đúng các quy trình, mà đồng ý để cho Đỗ Anh Đ cầm toàn bộ hồ sơ đi liên hệ với các bộ phận trong quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để làm thủ tục. Hành vi thiếu trách nhiệm nêu trên đã dẫn đến hậu quả: Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, Đ không trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ, mà mang tất cả đi thế chấp được 3,5 tỷ đồng, vợ chồng Đ sử dụng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân. Đối với hành vi trên, trách nhiệm thuộc về Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Sơn Tây, mà trước hết là ông Hoàng Thế H với cương vị là Giám đốc, có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động và thực hiện việc kiểm tra đôn đốc các bộ phận theo chỉ đạo của Phòng Tài nguyên và môi trường, là người phải chịu trách nhiệm chính, sau đó là các nhân viên dưới quyền của Hoà.

Hành vi nêu trên của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố về tội *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng* là đúng pháp luật, không oan.

Tuy nhiên, diễn biến vụ án cho thấy, các bị cáo đều đã bị lợi dụng trước ý đồ của Đỗ Anh Đ. Các sổ đỏ được cấp mới đều chưa hoàn chỉnh (thiếu số quyết định) là chưa có giá trị đầy đủ về mặt pháp lý vì chưa nằm trong hệ thống quản lý của Nhà nước. Việc vợ chồng Đỗ Anh Đ tự ghi số quyết định vào sổ mới để đi thế chấp đã cấu thành tội phạm khác và đã bị xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo đều là đảng viên, cán bộ công chức có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng thưởng bằng khen, giấy khen. Quá trình thực hiện nhiệm vụ không có động cơ vụ lợi, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, đa phần đều có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy cần vận dụng chính sách nhân đạo của pháp luật, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[3] ***Tính chất mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:***

1. Hoàng Thế H – Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Sơn Tây với nhiệm vụ được giao là người *quản lý điều hành mọi hoạt động của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất* nhưng chính bị cáo đã ký nháy vào phôi GCNQSDĐ và ký xác nhận vào phiếu thông tin địa chính của 04 thửa đất khi Đ đưa trực tiếp cho Hoà và cho Đ cầm đi làm các thủ tục tiếp theo. Mặc dù Hoà khai: Việc ký hồ sơ là do nhân viên trình, Hoàng Thế H không nhận hồ sơ trực tiếp từ Đ. Song lời khai của Đỗ Anh Đ, Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh trong lời khai tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà đều khẳng định Đ là người trực tiếp mang hồ sơ cấp giấy chứng nhận vào phòng H và nhờ H ký là đúng. Sau đó Hoà cũng không kiểm tra các bộ phận, để Đ cầm cả sổ đỏ mới và sổ đỏ cũ ra ngoài thế chấp. Đồng

thời không kiểm tra giám sát dẫn đến bộ phận lưu trữ làm mất nhiều hồ sơ là các cuốn sổ diện lưu kho mà không biết. Hành vi của bị cáo là thiếu trách nhiệm khi không thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, gây hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm chính và cao hơn các bị cáo khác.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã nhận thức được sai lầm, nhân thân chưa tiền án tiền sự, quá trình công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s,v khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. *Bị cáo không có tình tiết tăng nặng*. Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

2. Bị cáo Nguyễn Thu Th và Bị cáo Phạm Thị Nh: Các bị cáo đều là cán bộ UBND thị xã Sơn Tây và cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Sơn Tây có nhiệm vụ:

- Nguyễn Thu Th - Cán bộ tại bộ phận 01 cửa thuộc UBND thị xã Sơn Tây với nhiệm vụ nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công dân và chuyển cho Phạm Thị Nh.

- Phạm Thị Nh – Cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Sơn Tây có nhiệm vụ nhận các hồ sơ do Nguyễn Thu Th chuyển, rồi chuyển cho cán bộ địa bàn xử lý.

Các nhiệm vụ trên là rất cụ thể, gắn với trách nhiệm pháp lý cao, nhiệm vụ đòi hỏi phải có sự sát sao, trách nhiệm đối với công việc, không thể nể nang, chủ quan, thiếu sự kiểm tra. Việc: "*cho Đ là người không trong Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tự cầm các hồ sơ đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới*" dẫn đến việc, Đ mang sổ về nhà sử dụng vào mục đích khác mà không biết. Hành vi của các bị cáo là thiếu trách nhiệm khi không thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao gây hậu quả nghiêm trọng. Do vậy, các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi và hậu quả xảy ra.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, nhân thân chưa tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, quá trình công tác có nhiều thành tích, bị cáo Thuỷ phạm tội trong thời gian mang thai, bị cáo Nh phạm tội trong thời gian nuôi con nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. *Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.*

3. Bị cáo Nguyễn Thị Minh Ng cán bộ Văn thư lưu trữ với nhiệm vụ được giao là *quản lý kho lưu trữ hồ sơ của Phòng TN&MT thị xã Sơn Tây* đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, cẩu thả, chủ quan, không kiểm tra để mất 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lưu tại kho lưu trữ, những cuốn sổ này cũng không được gạch bỏ, để vô hiệu hoá cả về hình thức và nội dung, dẫn đến việc Đỗ Anh Đ nhặt được, vẫn mang đi thế chấp được cho người khác lấy số tiền 03 tỷ đồng. Hành vi của bị cáo là thiếu trách nhiệm gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Nhân thân bị cáo có 01 tiền án, tại bản án số 04/2013/HSST ngày 29/01/2013, Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn khi thi hành công vụ", bị cáo đã chấp hành xong bản án. Tuy nhiên, hành vi phạm tội lần này của bị cáo xảy ra từ năm 2011 trước khi bản án số 04/2013/HSST có hiệu lực pháp luật, do vậy hành vi phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, hành vi phạm tội có mức độ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang nuôi mẹ già, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét thấy các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v, s, hoặc n khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do vậy nên tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo tại xã hội, có cơ hội phấn đấu chuộc lại lỗi lầm trở thành công dân có ích.

[4] Hình phạt bổ sung:

Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhân thân phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Hoàng Thế H, Nguyễn Thu Th, Phạm Thị Nh, Nguyễn Thị Minh Ng** phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

1.1 Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm v, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt **Hoàng Thế H: 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo,** thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2 Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt **Phạm Thị Nh: 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo,** thời gian thử thách 56 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3 Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm v, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt **Nguyễn Thu Th: 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo,** thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.4 Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt **Nguyễn Thị Minh Ng: 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo,** thời gian thử thách 40 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thế H cho Uỷ ban nhân dân xã Tản Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Phạm Thị Nh cho Uỷ ban nhân dân phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội; Nguyễn Thu Th cho Uỷ ban nhân dân xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội; Nguyễn Thị Minh Ng cho Uỷ ban nhân dân phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành bản án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. *Án phí*: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Theo Điều 262 BLTTHS;
-UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú (thay thông báo KQXX);
-Lưu HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÀO BÁ SƠN